

Số: 01a/QĐ - TTTGPL

Ninh Bình, ngày 09 tháng 01 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2024

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; và Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 68/2021/QĐ-UBND ngày 17/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước trực thuộc Sở Tư pháp tỉnh Ninh Bình;

Căn cứ Quyết định số 190/QĐ-STP ngày 29/12/2023 của Sở Tư pháp tỉnh Ninh Bình “về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 cho các đơn vị trực thuộc Sở Tư pháp”;

Xét đề nghị của Phó trưởng Phòng Hành chính - Tổng hợp,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách NN năm 2024 của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà Nước (theo biểu số 02 đính kèm).

Thời gian thực hiện công khai 30 ngày kể từ ngày Quyết định công bố công khai có hiệu lực.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Phó trưởng Phòng Hành chính - Tổng hợp, Trưởng phòng Nghiệp vụ và viên chức, hợp đồng lao động Trung tâm có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### Nơi nhận:

- Sở Tài chính tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- Như điều 3;
- Lưu :VT.



Bùi Thị Thanh Tâm

Đơn vị: Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Ninh Bình

Chương: 414

**DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024**

(Kèm theo Quyết định số 04/QĐ-TTTGPL, ngày 09. tháng 01. năm 2024 của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Ninh Bình)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Dự toán được giao
<b>I</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>	-
1	Số thu phí, lệ phí	
1.1	Lệ phí	
1.2	Phí	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
2.1	Chi sự nghiệp	
2.2	Chi quản lý hành chính	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
3.1	Lệ phí	
3.2	Phí	
<b>II</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>	<b>4.388.000.000</b>
<b>1</b>	<b>Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ theo biên chế</b>	<b>3.240.000.000</b>
1.1	Chi thanh toán cá nhân	2.403.000.000
1.2	Chi khen thưởng và Phúc lợi tập thể	197.200.000
1.3	Chi về hàng hóa dịch vụ	392.100.000
1.4	Chi các khoản khác	185.700.000
1.5	Tiền lương hợp đồng lao động theo NĐ 68/2000/NĐ-CP và NĐ 161/2018/NĐ-CP	62.000.000
<b>2</b>	<b>Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ</b>	<b>726.000.000</b>
2.1	Thực hiện theo Nghị định số 141/2017/NĐ-CP của Chính phủ về hoạt động trợ giúp pháp lý	350.000.000
2.2	Tăng cường hiệu quả trợ giúp pháp lý đối với hòa giải viên cơ sở, truyền thông, tư vấn pháp lý tại cơ sở	122.000.000
2.3	Hỗ trợ hoạt động của Hội đồng phối hợp liên ngành	120.000.000

2.4	Thực hiện Kế hoạch số 94/KH-UBND ngày 19/10/2020 của UBND tỉnh về thực hiện chương trình trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh	50.000.000
2.5	Thực hiện Kế hoạch số 27/KH-UBND ngày 09/02/2022 về chương trình hành động quốc gia về người cao tuổi giai đoạn 2031-2030	50.000.000
2.6	Trang phục cho trợ giúp viên pháp lý	32.000.000
2.7	Kinh phí duy trì phần mềm quản lý tài sản	2.000.000
<b>3</b>	<b>Chi thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ tỉnh giao</b>	<b>422.000.000</b>
a	Kinh phí thực hiện Chương trình MTQG Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (Nội dung số 3 thuộc Tiểu dự án 1 của Dự án 10)	262.000.000
b	Kinh phí thực hiện Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững	160.000.000